

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22

Group B14
Round 2
Board 1

18:10 end

WHITE # Ching Kai xue Edric						FED MAS		RESULT (W) 0			
BLACK Zhuo Jun Yu						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	g0	21	Ke2	15 f8	41	a5	f1=a	61		
2	c4	g1	22	g1	13 f5	42	ka2	Qd3	62		
3	cd	g1	23	Qd4	13 g6	43	b5	Rf2	63		
4	nc3	g1	24	Qd4	14 Kh8	44	ka1	16 Qf1	64		
5	Bf4	g1	25	g5	9 g5	45			65		
6	d0	g0	26	g1	9 f4	46			66		
7	Nb1	88	27	Bd4	9 Nh4	47			67		
8	Ng3	81	28	Qe2	9 Qd2	48			68		
9	e3	79	29	Ke1	10 Nd3	49			69		
10	Nbd2	77	30	Kd1	10 Fe2	50			70		
11	Bf3	70	31	Ke2	W f4	51			71		
12	gf	68	32	Kd3	g5	52			72		
13	Bcb	60	33	Kd4	Qf2	53			73		
14	a3	60	34	Ke3	Qe3	54			74		
15	b4	60	35	Kc2	12 Qe4	55			75		
16	nc4	55	36	Kb3	g1	56			76		
17	Be3	34	37	Kb2	Qd4	57			77		
18	Nb6	31	38	Kb1	Qe1	58			78		
19	Qd4	21	39	Ka1	f3	59			79		
20	Qe4	14	40	a0	f2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER) 王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22/06/26

Group B14
Round 02
Board 01

18:10 end

WHITE						FED MAS				RESULT (W) 0	
BLACK						FED CHN				RESULT (B) 1	
Edric Ching						Zuo, Jun Yu					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	D4	D5	21	Ke2	Rae8	41	A5	F1=Q	61		
2	C4	C6	22	hng1	F5	42	ka2	Qd3	62		
3	cxds	cxds	23	Qfx	Ng6	43	B5	Rf2+	63		
4	Nc3	Nc6	24	Qc4	Kh8	44	Ka1	Qd4 Qd4	64		
5	Bf4	F5	25	Qg5 Qg5	Qxg5	45			65		
6	dxe5	D4	26	1f1	F4	46			66		
7	Nb1	Nge7	27	Bd4	Nh4	47			67		
8	Nf3	Ng0	28	Qe2	Qg2	48			68		
9	E3	Bh4+	29	Ke1	Qh3 Qh3	49			69		
10	Nbd2	Bg4	30	Kd1	Rxe2	50			70		
11	Bb5	Bxf3	31	Kxe2	Nd4	51			71		
12	gxf3	O-O	32	Kd3	Qf3	52			72		
13	Bxc6	bxc6	33	Ked4	Qx2	53			73		
14	A3	Ba5	34	Kc3	Qe3	54			74		
15	B4	Bb6	35	Kc2	Qex	55			75		
16	Nc4	dxe3	36	1h3	Qd3	56			76		
17	Bxe3	Qh4	37	Kh2	Qd4	57			77		
18	Nxb6	axbb	38	Kh1	Qd4 Qd4	58			78		
19	Qd4	Qh5	39	Rxal	F3	59			79		
20	Qe4	Nxe5	40	A4	F2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
edric						王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/22

Group B14
Round 2
Board 2

18:24 End

WHITE Lee Jiwoo						FED KOR			RESULT (W) 1/2		
BLACK Lin Jhen Jie						FED TPE			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rc1	a5	41			61		
2	Nf3	Nf6	22	a3	Ncb	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	c3	Ne5	43			63		
4	Nxe5	Bxc3	24	Rd1	b6	44			64		
5	dxc3	O-O	25	Bd4	Ncb	45			65		
6	Be2	Nxe4	26	b4	axb4	46			66		
7	O-O	db	27	axb4	Nxd4	47			67		
8	Nf3	Ncb	28	wd4	Re7	48			68		
9	Bd3	Nf6	29	f3	Rg3	49			69		
10	h3	h6	30			50			70		
11	c4	Nd7	31			51			71		
12	b3	Qf6	32			52			72		
13	Rb1	Nce5	33			53			73		
14	Nxe5	Nxe5	34			54			74		
15	Bb1	Qf4	35			55			75		
16	Be2	Re8	36			56			76		
17	Qd4	Qxd4	37			57			77		
18	Bxd4	Ncb	38			58			78		
19	Be3	Bf5	39			59			79		
20	Rb2	Nb4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lee			林			王天瑜					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/28/22

Group U14
Round 2
Board 2

18:24 End

WHITE Lee Jiwoo						FED KOR			RESULT (W) 1/2		
BLACK Lin Jhen Jie						FED TPE			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rc1	a5	41			61		
2	Nf3	Nf6	22	a3	Ncb	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	c3	Ne5	43			63		
4	Nxe5	Bxc3	24	Rd1	b6	44			64		
5	dxc3	O-O	25	Bd4	Ncb	45			65		
6	Be2	Nxe4	26	b4	axb4	46			66		
7	O-O	db	27	axb4	Nxd4	47			67		
8	Nf3	Ncb	28	wd4	Re7	48			68		
9	Bd3	Nf6	29	f3	Rg3	49			69		
10	h3	h6	30			50			70		
11	c4	Nd7	31			51			71		
12	b3	Qf6	32			52			72		
13	Rb1	Nce5	33			53			73		
14	Nxe5	Nxe5	34			54			74		
15	Bb1	Qf4	35			55			75		
16	Be2	Re8	36			56			76		
17	Qd4	Qxd4	37			57			77		
18	Bxd4	Ncb	38			58			78		
19	Be3	Bf5	39			59			79		
20	Rb2	Nb4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lee			林			王天瑜					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

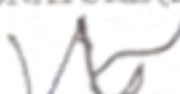
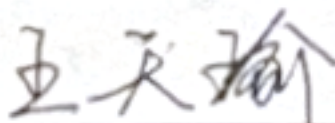


Date
2026-08-22

Group
B14

Round
2

Board
3

WHITE Erdenebaatar, Galbaatar						FED MGL		RESULT (W) 1			
BLACK Rajendran, Kartikeyan						FED MAS		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bb4	e4	41	Rd1	Kf1	61	Nf6	Kg6
2	04	g6	22	Rc2	Nf4	42	N4	Rc5	62	Nc4	Kf3
3	Nc3	Bf7	23	Nd2	f5	43	Rb6	Kf9	63	Nf3	Kf3
4	c4	d6	24	h3	Nf5	44	N45	h5	64	Rb5	Kf6
5	Nf3	0-0	25	Bb3	Bd3	45	Rb5	Kf6	65	Nf5	Rc4
6	Bc2	c5	26	Nb3	Rd8	46	04	Rd4	66	Nf3	Rc1
7	d6	d6	27	Nc5	Nc4	47	Kd1	Rd1	67	Nf4	Rc6
8	Bd8	Rd8	28	Rc1	b5	48	Kc1	Rd2	68	Nf4	Kf6
9	Rf5	Rc2	29	g4	Rd6	49	Kf1	Rc7	69	Rf5	Rc4
10	0-0-0	h6	30	g4	g4	50	Nc3	Rd4	70	Rf6	Kf7
11	Bc3	Nf4	31	Rf1	Kf7	51	Nf4	Kf6	71	Rf6	Rc5
12	Nd5	Nd6	32	04	Bf6	52	Nc7	Rd4	72	Nd5	Rc1
13	c5	Nc3	33	Rf1	Nd2	53	Kf2	Rf4	73	Kf3	Rc1
14	f6	Nc5	34	Rd2	Rd2	54	Kf3	Rf5	74	Nf6	Kf7
15	Nc7	Bd3	35	Rf5	Rd2	55	Rb6	Rf6	75	Rd7	h4
16	Nc8	Rc2	36	Kc1	Rf4	56	Rb5	Rf5	76	Nc4	Rf1
17	Rb5	Rb8	37	Rf4	Rd2	57	Rb9	Rf5	77	Kc6	Rd4
18	Kb1	Nc4	38	h4	06	58	Kf3	Rf4	78	Nf6	
19	Rb1	Nf2	39	Nc4	Rc2	59	Rb6	Kf7	79		
20	Rd1	06	40	Nf3	Rd2	60	Nd5	Rd4	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

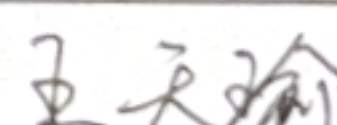


Date
22/8/26

Group
B14

Round
2

Board
3

WHITE Erdene baatar, Galbaatar						FED MGL			RESULT (W) 1		
BLACK Kartikeyan Rajendran						FED MAS			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Ba4	e4	41	Rb7	Kb6	61	h3	1-c6
2	c4	g6	22	Rd2	Nf4	42	h4	Bc4	62	h4	1-c6
3	Nc3	Bg7	23	Nd2	f5	43	Rb6	Kc7	63	Nb7	1-c6
4	Nc3	d6	24	h4	Nc5	44	Nc4	a7	64	Rb4	Kb6
5	Nf3	0-0	25	Bg3	Bg3	45	Rc4	Kc7	65	Rc4 N. Rc4 e4	Rc7
6	Be2	e5	26	Nxg3	Rd8	46	e4	Bc4	66	- Kb3	Kb6
7	dxe5	dxe5	27	Nc5	Nc7	47	Kc1	Rc4	67	Kb4	Rc6
8	Qxd8	Rxd8	28	Rf1	b5	48	Kc1	Rc4	68	Nf4	Kc6
9	Bg5	Re8	29	b4	Rc6	49	Kc1	Bf7	69	Rg4	Rc7
10	0-0-0	h6	30	bxc5	bxc5	50	Nc4	Rc4	70	Rg4 Kc6 Kc6	Kc7
11	Be3	Ng5	31	Rg1	Kg7	51	Nd4	Kc6	71	Rb6	Rc7
12	Nd5	Na6	32	h4	Bf6	52	Nxc7	Rc4	72	Nd4	Rc7
13	c4	Nxe3	33	Rc1	Nc7	53	Kc2	Rc4	73	Kf7	Rc7
14	fxe3	Nxc5	34	Rc2	Rxe2	54	Kb3	Rc4	74	Wf3	Kc7
15	Nxc7	Be6	35	Rxf5	Rg6	55	Rb3	Rc4	75	Rd4	Kc7
16	Nxe8	Rxe8	36	Kf1	Bb7	56	Rb4	Rc4	76	Wd4	Rc7
17	Bb5	Rb8	37	Rf7	Rb7	57	Rb1	Rb4	77	Kc6	Rc7
18	Kb6	Nxe4	38	Qd5	axb5	58	Kb3	Rb5	78		
19	Rh5	Nf2	39	Wxc4	Rc2	59	Rb6	Kc7	79		
20	Rcd1	a6	40	Nb3	Ra2	60	Nc5	Rc4	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2028.8.22

Group B14
Round 2
Board 4

WHITE						FED			KOR		RESULT (W)	
BLACK						FED			KOR		RESULT (B)	
Song, dihu											1-0	
Lee, Gyunyeon											0-1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4.	e5.	21	Qx3	Rc8	41	Qx3	Rc8	61			
2	Nf3.	Nc6.	22	Rxc8	Qx8	42	Kf5	Kc8	62			
3	Nc3.	Nf6.	23	Rxc8	Bx8	43	h6	xh8	63			
4	Nd5.	Bc5.	24	g3.	kg7.	44	h7	Ka8	64			
5	c3.	Nxe4.	25	Nc2	f5.	45	h8	kb7.	65			
6	d4.	exd4	26	Nf4.	Bb8.	46	Kes	tcv	66			
7	Bd3.	Nf6	27	Kf1.	Kf5	47	f4	kb7.	67			
8	Qe2.	Bb7.	28	h4.	Kc7.	48	f5	Ka8	68			
9	Nxb1.	Qxh8.	29	Kc2.	f5.	49	f6	kb7.	69			
10	Cxd4.	d5.	30	Nxc5.	Kc8.	50	f7.	Kc7.	70			
11	Bb5.	Qd6.	31	Kc2.	Q5.	51	f8=1	kb7.	71			
12	Qd.	Bb8.	32	Q4.	b5.	52	kb7.	Kc7.	72			
13	Bxc7.	Qc6.	33	b5.	h5.	53	Qb8	Kc8	73			
14	B4.	Bb7.	34	h5.	bxh4.	54	Qb8		74			
15	Bb7.	Qd7.	35	bxh4.	f4.	55			75			
16	Bb7.	Qxd7.	36	Kxc4.	f5.	56			76			
17	Rc3.	Rb8.	37	f3.	Kf5.	57			77			
18	Rc1.	Q-d.	38	g4.	Kc8.	58			78			
19	Nf4.	Bb4.	39	Q5.	h8.	59			79			
20	Qc2.	Rxc3.	40	Kxg5.	Kc7.	60			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
												

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/22

Group B14
Round 2
Board 4

WHITE Song, Jihy						FED		RESULT (W) 1			
BLACK Lee G/4/yeah						FED		RESULT (B) 1-0 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qxc3 17	Rc8 45	41	Wt5	UJ8	61		
2	Nf3	Nc6	22	Qxc8 88	Qxc9 45	42	Uf6	Uc8	62		
3	Nc3	Nf6	23	Pxc8 88	Pxc8 45	43	h6	Ubr8	63		
4	Nd5	Bc5	24	g3 88	h9h 29	44	h7	h98	64		
5	C3	Nxe4	25	N92 88	f5 29	45	h8-Q7	Ubn7	65		
6	d4	exd4	26	Nf4 84	Beb 25	46	Ue6	han	66		
7	Bd3	Nf6	27	Kh1 88	Kh6 29	47	f4	Ubn	67		
8	Qe2	Bc7	28	h4 88	Ken 23	48	f5	han	68		
9	Nxb1	Qxh8	29	her 88	f6 16	49	f6	Kbn	69		
10	Cxd4 92	d5 71	30	Nxc8 81	Kxc8 16	50	f7	han	70		
11	Bb5 91	Qd6 65	31	Uc3 82	Q5 14	51	f8=N	Kbn	71		
12	O-O 90	Beb 64	32	Uf8 82	bg8 8	52	Udn	Uqn	72		
13	Bxc6 89	Qxc6 63	33	b3 82	h6 6	53	Qb8	Kq6	73		
14	Bt4 89	Bd6 63	34	h5 82	bxh4	54	Qq8		74		
15	Ra1 89	Qd7 60	35	bxh4	f4	55			75		
16	Uxc6 90	Cxb6 55	36	Ud4	f5	56			76		
17	Rc3 90	Rc8 54	37	f3	Uf6	57			77		
18	Rf1 90	O-O 50	38	g4	Ue6	58			78		
19	Nh4 89	Bg4 49	39	g5	h8	59			79		
20	Qc2 89	Rxc3 49	40	Ug6	Ken	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
JM			Lee G/4/yeah			王天琦					

17:31



Date 8.22

Board
5

Group	B-14
Round	2

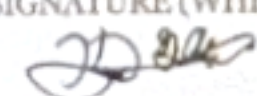
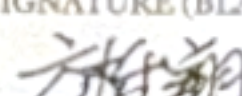
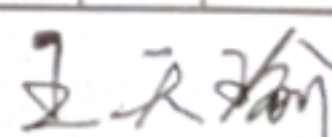
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8/22/2026

Board	5
-------	---

Group	014
Round	2
Board	5

WHITE						FED PH1		RESULT (W) 1			
BLACK						FED CHN		RESULT (B) 0			
King Xyan N Beltran											
Fang, Yuxiang											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qxd4	Nb6	41	Rc8+	Kf7	61		
2	c4	e6	22	Qb7	Bxa5	42	Rc2	Nb3	62		
3	Nf3	ab	23	Bxa5	Nc4	43	Ke4	Ra5	63		
4	cxd5	exd5	24	Bg3	Nxb2	44	Be5	g5	64		
5	Nc3	Nf6	25	Qxa6	Qd7	45	h5	Ra3	65		
6	Bg5	Be6	26	Qc6	Qxc6	46	Kf3	Rg1	66		
7	Qb3	b5	27	Rxc6	Re6	47	Rb2	Nd1	67		
8	e3	Nbd7	28	Rxe6	fxc5	48	Rb7+	Ke8	68		
9	Qd1	Bd6	29	Rb1	Nc4	49	Rh7	Nd3	69		
10	Bd3	O-O	30	Rxb5	Ra8	50	Rxb6	Ra2	70		
11	O-O	h6	31	Bxc7	Rxa2	51	Bg3	Kf7	71		
12	Bh4	Re8	32	g4	Nd2	52	Rg6	Ne1+	72		
13	Rc1	Nb6	33	Rg2	Ne4	53	Re4	Ra5	73		
14	Qc2	Bg4	34	Bg3	Kf7	54	Be5		74		
15	Be2	Qe7	35	h4	Rc2	55			75		
16	Bg3	Ne4	36	Rb7+	Kf8	56			76		
17	Nxe4	dxe4	37	Rc7	Ra2	57			77		
18	Ne5	Bxe2	38	Kf3	Nd7+	58			78		
19	Qxe2	Nd5	39	Kf4	Ra5	59			79		
20	Qc2	Rac8	40	Ra5	Ra7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22

Group B14
Round 2
Board 6

18:37 end

WHITE						FED				RESULT (W)	
BLACK						FED				RESULT (B)	
Gun-Erdem Damba										1	
Xia, Peicheng										0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nc6	Nf5	41	Kf7	Qf6	61	Nf4	
2	c4	e6	22	Nd3	Rd6	42	Kf6	a4	62		
3	Nf3	Nf6	23	Rc5	ef	43	Bf8	Q3	63		
4	p3	c6	24	Rd5	Rc6	44	Nc5	a6	64		
5	Bp2	Qe7	25	Rd6	Qa5	45	Nf6	R9	65		
6	O-O	O-O	26	Qe2	Np6	46	Nf4	Rc7	66		
7	Nc3	b6	27	Rd1	Nf4	47	h5	Q7	67		
8	Nd2	Nb7	28	f6 Qf3	p6	48	Rd7	Rd7	68		
9	e4	Nb7	29	Rc6	Qc6	49	Kf6	f4	69		
10	Re1	d6	30	Qa2	Qb5	50	Re6	Kf3	70		
11	Nc4	Re8	31	a6	Qc4	51	Kd5	Ra6	71		
12	Bf4	Nf6	32	a5	Qb5	52	p5	f4	72		
13	e5	Nd5	33	a4	d5	53	Kf4	p6	73		
14	Nf4	Nf4	34	Q3	e6	54	f4	Kf2	74		
15	g4	Qf7	35	R	Qe6	55	h4	p7	75		
16	Ned6	Rd6	36	h4 Qe6	Qf6	56	h3	p8-a	76		
17	Rc1	Re8	37	Qb7 Qf6	Qf7	57	Qe5	Qc4	77		
18	f5	b5	38	Nf4	Kp2	58	f3	Re6	78		
19	Nb7	Qf7	39	Nh6	Qf5	59	Kf5	Qe4	79		
20	Na5	Qb6	40	Kp7	Qd4	60	Kg5	Qp6	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Gun-Erdem			Xia Peicheng			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22

Group B14
Round 2
Board 6

18:37 end

WHITE						FED		RESULT (W)			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Gun-Erdem Damba						CHN		1			
Xia Peicheng								0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nxc6	Bg5	41	Qd4	Kf7	61	Qg6	Kf4
2	c4	e6	22	Nxd8	Qxd8	42	Qxf6	Kxf6	62	Re4	#
3	Nf3	Nf6	23	Rc5	exf5	43	a4	Bf8	63		
4	g3	c6	24	Rd5	Rc8	44	a5	Bc5	64		
5	Bg2	Be7	25	Rd6	Qa5	45	a6	Kc6	65		
6	O-O	O-O	26	Qe2	Nf6	46	Rc1	Bd4	66		
7	Nc3	b6	27	Rd1	Nf4	47	Rc7	h5	67		
8	Nd2	Bb7	28	Qf3	g6	48	a7	Bx7	68		
9	e4	Nb7	29	Rc6	Rxc6	49	Rxa7	Kf6	69		
10	Re1	dxc4	30	Qxc6	Qxa2	50	f4	Kc6	70		
11	Nxc4	Re8	31	Qb5	a6	51	Kc5	Rd5	71		
12	Bf4	Nf8	32	Qb4	a5	52	Ra6	g5	72		
13	e5	Nd5	33	Qb5	a4	53	f4	Kc4	73		
14	Nf4	Nxf4	34	d5	a3	54	g6	f4	74		
15	gxf4	Qd7	35	e6	fxb6	55	Kf2	h4	75		
16	Ned6	Re8	36	dxc6	Qxb6	56	g7	h3	76		
17	Rc1	Rab8	37	bxa3	Qf6	57	g8-a	Kc5	77		
18	f5	b5	38	Qb7	Nxg2	58	Qc4	f3	78		
19	Nxb7	Qxb7	39	Kxg2	Bh6	59	Re4	Kf5	79		
20	Na5	Qb6	40	Qd4	Kg7	60	Qe4	Kg5	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Gun-Erdem			Xia Peicheng			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 08/22/2026

Group U14
Round 2
Board 5

B14

18:32

WHITE Gabriel Givero						FED PH		RESULT (W) 0			
BLACK Feng Yusheng						FED		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	e6	Rf8	41			61		
2	Nf3	d6	22	c3	Rd6	42			62		
3	d4	exd4	23	Re2	Qa5	43			63		
4	Nxd4	Nf6	24	a4	Qd8	44			64		
5	Nc3	g6	25	g4	Re4	45			65		
6	Be3	Bg7	26	Nxa4	dxc4	46			66		
7	f3	a0	27	Qx4	Rd1	47			67		
8	Qd2	Nc6	28	Kc2	f5	48			68		
9	0-0-0	d5	29	gxfs	Qd6	49			69		
10	Nx6	bxc6	30	Bg2	Rd8	50			70		
11	Bc5	Be6	31	b4	gxfs	51			71		
12	Qe3	Qc7	32	Qxc6	Qd3	52			72		
13	e5	Nd7	33	Kb3	Rxh1	53			73		
14	f5	Nxc5	34	Bxh1	Qx2	54			74		
15	Qxc5	Qb7	35	Bf3	Qd3	55			75		
16	Na4	Rb8	36	b5	Qb4	56			76		
17	Qd4	Bg4	37	Ka3	bx3	57			77		
18	Rd2	f6	38			58			78		
19	h3	Bf5	39			59			79		
20	Nc5	Qb6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER) 王天瑜					
Givero			冯昱生								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026

Group B14
Round 2
Board 7

18:32

WHITE Gabriel Givero						FED 0		RESULT (W) 0			
BLACK 冯昱生						FED 1		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	e6	Rf8	41			61		
2	Nf3	d6	22	c3	Rd6	42			62		
3	d4	exd4	23	Re2	Qa5	43			63		
4	Nxd4	Nf6	24	a4	Qd8	44			64		
5	Nc3	g6	25	g4	Re4	45			65		
6	Be3	Bg7	26	Nxa4	dxc4	46			66		
7	f3	a0	27	Qx4	Rd1	47			67		
8	Qd2	Nc6	28	Kc2	f5	48			68		
9	0-0-0	d5	29	gxfs	Qd6	49			69		
10	Nx6	bxc6	30	Bg2	Rd8	50			70		
11	Bc5	Be6	31	b4	gxfs	51			71		
12	Qe3	Qc7	32	Qxc6	Qd3	52			72		
13	e5	Nd7	33	Kb3	Rxh1	53			73		
14	f5	Nxc5	34	Bxh1	Qx2	54			74		
15	Qxc5	Qb7	35	Bf3	Qd3	55			75		
16	Na4	Rb8	36	b5	Qb4	56			76		
17	Qd4	Bg4	37	Ka3	bx3	57			77		
18	Rd2	f6	38			58			78		
19	h3	Bf5	39			59			79		
20	Nc5	Qb6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER) 王天瑜					
Givero			冯昱生								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22 Aug 2026

Group U-14
Round 2

Board 8

WHITE Theodore Kurniawan						FED INA			RESULT (W) 1/2		
BLACK Lieyanto, Ryu						FED INA			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rab1	Bb7	41			61		
2	Nf3	Nf6	22	Rb2	Qc8	42			62		
3	c4	e6	23	Reb1	Ba6	43			63		
4	Nc3	Be7	24	Qe3	Bc7	44			64		
5	Bf4	Nbd7	25	Ne5	Bxe5	45			65		
6	e3	Nh5	26	Fxe5	Nd7	46			66		
7	c5	Nxf4	27	Bd3	Rb8	47			67		
8	exf4	Nf6	28	Rxb8	Nxb8	48			68		
9	Bd3	O-O	29	Ne2	Bxd3	49			69		
10	O-O	c6	30	Qxd3	Na6	50			70		
11	Qe2	Qc7	31	Nc1	Nb4	51			71		
12	g3	Re8	32	Qe2	Qa8	52			72		
13	Ne5	h6	33	Na2	Rb8	53			73		
14	b4	Nd7	34			54			74		
15	Nf3	Bd8	35			55			75		
16	Rfe1	Qb8	36			56			76		
17	Bc2	b6	37			57			77		
18	Qd3	Nf6	38			58			78		
19	a4	bxc5	39			59			79		
20	bxc5	a5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER) 王天瑜					
			Ryu								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22/08/26

Group B14
Round 2

Board 8

WHITE Theobate Daniel Kurniawan						FED INA			RESULT (W) 1/2		
BLACK Ryu Lieyanto						FED INA			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rab1	Bb7	41			61		
2	Nf3	Nf6	22	Rb2	Qc8	42			62		
3	c4	e6	23	Reb1	Ba6	43			63		
4	Nc3	Be7	24	Qe3	Bc7	44			64		
5	Bf4	Nbd7	25	Ne5	Bxe5	45			65		
6	e3	Nh5	26	Fxe5	Nd7	46			66		
7	c5	Nxf4	27	Bd3	Rb8	47			67		
8	exf4	Nf6	28	Rxb8	Nxb8	48			68		
9	Bd3	O-O	29	Ne2	Bxd3	49			69		
10	O-O	c6	30	Qxd3	Na6	50			70		
11	Qe2	Qc7	31	Nc1	Nb4	51			71		
12	g3	Re8	32	Qe2	Qa8	52			72		
13	Ne5	h6	33	Na2	Rb8	53			73		
14	b4	Nd7	34	1/2 - 1/2		54			74		
15	Nf3	Bd8	35			55			75		
16	Rfe1	Qb8	36			56			76		
17	Bc2	b6	37			57			77		
18	Qd3	Nf6	38			58			78		
19	a4	bxc5	39			59			79		
20	bxc5	a5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER) 王天瑜					
			Ryu								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/22

Group 014
Round 2

Board 9

WHITE Iweelt, Batsaikhan						FED MGL	RESULT (W) 0	
BLACK Xiaogao Li						FED CHN	RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bh5	Nxb5	41	Bxb5	Bc5
2	Nf3	Nc6	22	Nxb5	Rc8	42		
3	d4	cxd4	23	Bg1	Rh5	43		
4	Nxb4	Nf6	24	Bf3	Rc5	44		
5	Nc3	Qc5	25	Nb4	a5	45		
6	Ndb5	d6	26	Nc6	Qc7	46		
7	Bg5	a6	27	Nxb5	c4	47		
8	Nd3	b5	28	Bc2	Rd5	48		
9	Nd5	Be7	29	Qc1	Qxas	49		
10	Bxf6	Bxf6	30	Qh5	Bg5	50		
11	c3	Re6	31	g6	Qd6	51		
12	Nc2	Bg5	32	Qh3	Rc2	52		
13	Re3	Re6	33	Rg5	Bf5	53		
14	Ne3	Qd0	34	Ra1	h6	54		
15	Q-d	g6	35	Rh4	Rh5	55		
16	h1	f5	36			56		
17	exd5	gxf5	37			57		
18	f4	Bh6	38			58		
19	g4	Nc7	39			59		
20	Qd5	h7	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Iweelt			SIGNATURE (BLACK) Xiaogao Li			SIGNATURE (ARBITER) 王天琦		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/22

Group B14
Round 2

Board 9

WHITE Iweelt, Batsaikhan						FED MGL	RESULT (W) 0	
BLACK Li Xiaogao						FED CHN	RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bh5	Nxb5	41		
2	Nf3	Nc6	22	Nxb5	Rc8	42		
3	d4	cxd4	23	Bg1	Rh5	43		
4	Nxb4	Nf6	24	Bf3	Rc5	44		
5	Nc3	Qc5	25	Nb4	a5	45		
6	Ndb5	d6	26	Nc6	Qc7	46		
7	Bg5	a6	27	Nxb5	c4	47		
8	Nd3	b5	28	Bc2	Rd5	48		
9	Nd5	Be7	29	Qc1	Qxas	49		
10	Bxf6	Bxf6	30	Qh5	Bg5	50		
11	c3	Re6	31	g6	Qd6	51		
12	Nc2	Bg5	32	Qh3	Rc2	52		
13	Re3	Re6	33	Rg5	Bf5	53		
14	Ne3	Qd0	34	Ra1	h6	54		
15	Q-d	g6	35	Rh4	Rh5	55		
16	h1	f5	36			56		
17	exd5	gxf5	37			57		
18	f4	Bh6	38			58		
19	g4	Nc7	39			59		
20	Qd5	h7	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Iweelt			SIGNATURE (BLACK) Xiaogao Li			SIGNATURE (ARBITER) 王天琦		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/12

Board 10

Group B14

Round 2

WHITE Pu Jing						FED 1628		RESULT (W) 0			
BLACK Lv Ruiqi						FED 1971		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ne2	Rf5	41			61		
2	Nf3	e6	22	f4	Bh4	42			62		
3	g3	Nc6	23	Rd1	Rxh5	43			63		
4	Bg2	Nx6	24	Bf3	Rh6	44			64		
5	Qe2	d5	25	Ng4	Rg6	45			65		
6	d3	Be7	26	Kh2	h5	46			66		
7	O-O	O-O	27	Nf2	Nxe5	47			67		
8	e5	Nd7	28	Bxh5	Rh6	48			68		
9	c4	Rc8	29	fxc5	Qxe5	49			69		
10	h4	Nf8	30	Kh1	Bxf2	50			70		
11	Nc3	d4	31	O-#		51			71		
12	Ne4	Qc7	32			52			72		
13	Bf4	Ng6	33			53			73		
14	h5	Nxf4	34			54			74		
15	gxf4	fg	35			55			75		
16	Ng3	fxc5	36			56			76		
17	fxc5	Rf8	37			57			77		
18	Rae1	Bd7	38			58			78		
19	Nh2	Rf4	39			59			79		
20	Qd2	Raf8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Pu Jing			Lv Ruiqi			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/12

Board 1

Group B14

Round

WHITE Pu Jing						FED TPE		RESULT (W) 0			
BLACK Lv Ruiqi						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ne2	Rf5	41			61		
2	Nf3	e6	22	f4	Bh4	42			62		
3	g3	Nc6	23	Rd1	Rxh5	43			63		
4	Bg2	Nf6	24	Bf3	Rh6	44			64		
5	Qe2	d5	25	Ng4	Rg6	45			65		
6	d3	Be7	26	Kh2	h5	46			66		
7	O-O	O-O	27	Nf2	Nxe5	47			67		
8	e5	Nd7	28	Bxh5	Rh6	48			68		
9	c4	Rc8	29	fxc5	Qxe5	49			69		
10	h4	Nf8	30	Kh1	Bxf2	50			70		
11	Nc3	d4	31			51			71		
12	Ne4	Qc7	32			52			72		
13	Bf4	Ng6	33			53			73		
14	h5	Nxf4	34			54			74		
15	gxf4	fg	35			55			75		
16	Ng3	fxc5	36			56			76		
17	fxc5	Rf8	37			57			77		
18	Rae1	Bd7	38			58			78		
19	Nh2	Rf4	39			59			79		
20	Qd2	Raf8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Pu Jing			Lv Ruiqi			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/2

Group 014

Round 2

Board 11

18:52

WHITE Wang, Yu-chi Xavier						FED TPE		RESULT (W) 0.5			
BLACK Lee, Joowon						FED KOR		RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Ng2	Bxg2	41	Qh3	Ae4	61		
2	d4	d5	22	Nxg2	Rb8	42	Qe3	h5	62		
3	Nd2	Nc6	23	g6	h6	43	Qf3	h5	63		
4	c3	e5	24	Re1	Qd5	44	Qg3	h5	64		
5	b6	exd4	25	Qe4	Rb2	45	Qxh6	cxh6	65		
6	cxh4	dxh4	26	h2	Qxh2	46	h3	h5	66		
7	Bxc6	bxc6	27	Re2	Qa1	47	Ne3	g5	67		
8	Nxe4	bb4	28	Ng2	Qd4	48	Nf7	g4	68		
9	Nc3	Ne7	29	Qxh4	Rxe2	49	Nc6	h6	69		
10	Ne2	bb7	30	Nxe2	Qa6	50	h3	h5	70		
11	O-O	Qc8	31	Nf4	Qc6	51	Nf4	h5	71		
12	Ng3	O-O	32	Nf4	h5	52	Nf4	h5	72		
13	Re1	Ng6	33	h5	g5	53	Nf4	h5	73		
14	f4	c5	34	Ne5	h6	54	Nf4	h5	74		
15	f5	Nh4	35	h6	h6	55	Nf4	h5	75		
16	Qg4	Nxg2	36	c4	Qd6	56			76		
17	Bh6	g6	37	Qg4	h5	57			77		
18	Re2	Bxc3	38	Qg3	h4	58			78		
19	bxc3	Qd8	39	Qc3	h4	59			79		
20	Bxf8	Kxf8	40	Qe3	h5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wang Yu-chi			Lee Joowon			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/2

Group B14

Round 1

Board 11

18:52

WHITE Wang Yuhui Xmen						FED TPE		RESULT (W)		1/2	
BLACK Lee, Joowon						FED KOR		RESULT (B)		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rxg2	Bxg2	41	Qh3	Ke4	61		
2	d4	d5	22	Kxg2	Rb8	42	Qe3	Ke4	62		
3	Nd2	Nc6	23	f6	h6	43	Qf3+	Ke5	63		
4	c3	e5	24	Re1	Qd5	44	Qg3+	Ke5	64		
5	Bb5	exd4	25	Qc4	Rb2	45	Qxd6	cxh6	65		
6	Cxd4	dxh4	26	Ke1	Qxa2	46	Ke3	Ke5	66		
7	Bxc6+	bxc6	27	Re2	Qa1	47	Ke3	g5	67		
8	Nxe4	Bb4	28	Ng2	Cxd4	48	Ne7	g4	68		
9	NC3	Ne7	29	Qxd4	Rxe2	49	Nc6	Ke6	69		
10	Ne2	Bb7	30	Nxe2	Q.a6	50	h3	f5	70		
11	O-O	Qc8	31	Nf4	Qc6	51	Nd4	Ke5	71		
12	Nb3	O-O	32	Nd5	Ke8	52	Nf3	Ke6	72		
13	Re1	Nb6	33	Kf2	g5	53	Nd4	Ke6	73		
14	f4	c5	34	Qe5	Ka7	54	Nc6	Ke6	74		
15	f5	Nh4	35	Qd4	Ke6	55	Nd4	Ke5	75		
16	Qg4	Nxg2	36	c4	Qd6	56			76		
17	Bh6	g6	37	Qg4	Ke5	57			77		
18	Re2	Bxc3	38	Qg3	Kd4	58			78		
19	bxc3	Qd8	39	Qc3	Ke4	59			79		
20	Bxf8	Kxf8	40	Qe3	Ke5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			王天琦		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
August 22

Group
B14
Round
2

Board
12

WHITE						FED				RESULT (W)	
khangai Bayarjargal						MGL				0	
BLACK						FED				RESULT (B)	
Lorel Decasa Basilio						PHI				1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qxg3	Bxg3	41			61		
2	d4	d5	22	Rxg3	Qd7	42			62		
3	Nc3	dxe4	23	Rhg3	Bf5	43			63		
4	Nxe4	Nf6	24	Rxg7	Lxh8	44			64		
5	Nxf6	exf6	25	QxP5	QxR6	45			65		
6	c3	Bd6	26	Ka1	Re4	46			66		
7	Bd3	O-O	27	Rxf7	Rxf8	47			67		
8	Qc2	Re8	28	Rg7	Re1	48			68		
9	Ne2	Qa5 a5	29	Bxe1	Rxe1	49			69		
10	Bd2	Nd7	30	Ka2	Qb1x	50			70		
11	O-O-O	Nf8	31			51			71		
12	h3	h5	32			52			72		
13	Nf4	h4	33			53			73		
14	g3	Qc7	34			54			74		
15	Rd91	a4	35			55			75		
16	a3	Ne6	36			56			76		
17	Nh5	hxg3	37			57			77		
18	Rxg3	Rf4	38			58			78		
19	Rg5	Be6	39			59			79		
20	c4	Ned8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.22

Group
B14
Round
2

Board
12

WHITE						FED MGL		RESULT (W)			
BLACK						FED PHI		RESULT (B)			
khangai B.								0			
Decasa								1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	eu	c6	21	Qd3	Og3	41			61		
2	du	d5	22	Rg3	Qd7	42			62		
3	Nc3	eu	23	Rhsr	d5	43			63		
4	Ney	Neb.	24	Rgt	kh8	44			64		
5	Nt6	P+H6	25	Qh6	Qf5	45			65		
6	c3.	Bd6	26	Ka1	Re4	46			66		
7	Bd3	O-O	27	Rgt	Re8	47			67		
8	Qc2	Re8	28	Rggt	Re1	48			68		
9	Ne2	h5.	29	Be1	Be1	49			69		
10	Bd2.	Nd7	30	Ka2	Q1#	50			70		
11	O-O-O	Ne8.	31			51			71		
12	h3.	as.	32			52			72		
13	Nu.	hu	33			53			73		
14	g3.	Qc7	34			54			74		
15	Rd-g1	Qu.	35			55			75		
16	as.	Neb.	36			56			76		
17	Nh5.	g8	37			57			77		
18	Nog3.	Nen.	38			58			78		
19	Kb1	Beb	39			59			79		
20	cu.	Nd3	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22

Group B14
Round 2
Board 13

WHITE Wu, Xing						FED HKG		RESULT (W) 1			
BLACK Lam, Ethan						FED TPE		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nc3	bc	41	Bb3	as	61		
2	Nf3	ab	22	Qc3	Rf6	42	Ru5	1cf4	62		
3	d4	cd	23	Rd8	Bc3	43	Bgl	1cf3	63		
4	Nd4	Nf6	24	Rg8	Ru8	44	Bd5	1cg2	64		
5	Nf3	Nc6	25	bc	Rb8	45	13c4	1cf3	65		
6	Bg5	Bu7	26	Kc1	Rg4	46	Rg5	1cg2	66		
7	Qd2	ab	27	Rf1	Be6	47	Rc3	Rf3	67		
8	f3	eb	28	Bd3	Rf5	48	u4	1cg2	68		
9	0-0-0	Be7	29	Rf1	1cg8	49	u5	1cg1	69		
10	Kb1	O-O	30	Rg7	1cf8	50	ab	1cf2	70		
11	h4	h6	31	Bd4	g5	51	u7	1ce3	71		
12	Bc3	ds	32	u7	Bh7	52	u8=Q	1cf4	72		
13	g4	de	33	Rh7	c5	53	Bd3	1ce3	73		
14	g5	Nd5	34	Be3	Ru5	54	Qe4	1cf2	74		
15	Nd5	cd	35	Bc4	g4	55	1cd2	1g3	75		
16	gh	gb	36	Rhf	u3	56	1ce2	1f3	76		
17	h5	1ch7	37	Rgf	1cf	57	Qg6	1ch2	77		
18	hg	fg	38	Bc5	Kc2	58	1cf2	1ch1	78		
19	fe	de	39	Ru5	1cf6	59			79		
20	Bg2	Bf5	40	Ru4	1ce5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wu, Xing			Lam, Ethan			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22

Group B14
Round 2
Board 13

WHITE Wu, Xing						FED HKG		RESULT (W) 1			
BLACK Lam, Ethan						FED TPE		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nxc6	bxc6	41	Bb3	as	61		
2	Nf3	d6	22	Qc3	Bf6	42	Ru5	1ce4	62		
3	d4	cd4	23	Rd8	Bxc3	43	Bgl	1cf3	63		
4	Nxd4	Nf6	24	Ru8	Ru8	44	Bd5	1ce2	64		
5	Nc3	Nc6	25	bxc3	Rb8	45	Bc4	1cf3	65		
6	Bg5	Bd7	26	Kc3	Rb5	46	Rg5	1ce2	66		
7	Qd2	ab	27	Rf1	Be6	47	Ru3	1ce3	67		
8	f3	eb	28	Rf6	Bf5	48	u4	1ce2	68		
9	0-0-0	Be7	29	Rf7	Kb8	49	as	1ce1	69		
10	Kb1	O-O	30	Rg7	1cf8	50	ab	1cf2	70		
11	h4	h6	31	Bd4	g5	51	u7	1ce3	71		
12	Be3	ds	32	h7	Bxh7	52	u8=Q	1cf4	72		
13	g4	dxe4	33	Rh7	c5	53	Bd3	1ce3	73		
14	g5	Nd5	34	Be3	Ru5	54	Qe4	1cf2	74		
15	Nxd5	exd5	35	Bxe4	g4	55	1cd2	1g3	75		
16	gxh6	g6	36	Rh4	g3	56	1ce2	1f3	76		
17	h5	kh7	37	Rg4	Ru4	57	Qg6	1ch2	77		
18	hxg6	fxg6	38	Bxc5	1cf	58	1cf2	1ch1	78		
19	fxe4	dxe4	39	Bx5	1cf6	59			79		
20	Bb2	Bg4	40	Ru4	1ce5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wu, Xing			Lam, Ethan			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8-22

Group

U14

Round

2

Board

14

16:13 end

WHITE Li Yupeng						FED			RESULT (W) 1/2		
BLACK Lee Gr/44eqn						FED			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nf7	Kf7	41			61		
2	c4	e6	22	Bd3	g6	42			62		
3	Nf3	a6	23	Qd2	Kg7	43			63		
4	0-0	Nf6	24	Rc1	Qb6	44			64		
5	Nc3	c5	25	Qc3	Kg8	45			65		
6	Bd3	Nc6	26	h3	Pf8	46			66		
7	0-0	Bc7	27	Rc2	Qb7	47			67		
8	b3	dxc4	28	Qe5	Rc8	48			68		
9	Bc4	b5	29			49			69		
10	Bc2	cd4	30			50			70		
11	ed4	0-0	31			51			71		
12	Bf4	Nd5	32			52			72		
13	Nd5	Qd5	33			53			73		
14	Rc1	Bb7	34			54			74		
15	Bc7	Bd8	35			55			75		
16	Rc5	Qd7	36			56			76		
17	Bd8	Rfd8	37			57			77		
18	Nes	Qd4	38			58			78		
19	Nc6	Qc5	39			59			79		
20	Nd8	Bd5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Li Yupeng			SIGNATURE (BLACK) Chen, Yi-Hsiang			SIGNATURE (ARBITER) 王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/22

Group

B14

Round

2

Board

14

16:13 end

WHITE Li, Yupeng						FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Chen, Yi-Hsiang Gabriel						FED TPE			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nxf7	Kxf7	41			61		
2	c4	e6	22	Bd3	g6	42			62		
3	Nf3	a6	23	Qd2	Kg7	43			63		
4	e3	Nf6	24	Rc1	Qb6	44			64		
5	Nc3	c5	25	Qc3	Kg8	45			65		
6	Bd3	Nc6	26	h3	Rf8	46			66		
7	0-0	Be7	27	Rc2	Qb7	47			67		
8	b3	dxc4	28	Qe5	Rc8	48			68		
9	Bxc4	b5	29			49			69		
10	Be2	cx4	30			50			70		
11	exd4	0-0	31			51			71		
12	Bf4	Nd5	32			52			72		
13	Nxd5	Qxd5	33			53			73		
14	Rc1	Bb7	34			54			74		
15	Bc7	Bd8	35			55			75		
16	Rc5	Qd7	36			56			76		
17	Bxd8	Rfxd8	37			57			77		
18	Nes	Qd4	38			58			78		
19	Qxc6	Qxc5	39			59			79		
20	Nxd7	Bd5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Li Yupeng			SIGNATURE (BLACK) Chen, Yi-Hsiang			SIGNATURE (ARBITER) 王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.27

Group B14

Round 2

Board 15

WHITE Sin Tsz Hin Zachary						FED HKG		RESULT (W) 1/2			
BLACK wangzeyu						FED CHN		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	nt6	21	kg1	te	41	f5	et	61		
2	g3	e6	22	Qa4	nc5	42	gt	gt	62		
3	b92	d5	23	Qxc6	Rxc6	43	Kx+5bd4		63		
4	nt3	be7	24	ne4	nxex	44	Kg5	bea	64		
5	O-O	O-O	25	Rxe4	Rd6	45	Kb5	Kb6	65		
6	b3	b6	26	Rxd6	bxt6	46	h4	a6	66		
7	bb2	bb7	27	a4	bc5	47	be7	a4	67		
8	e3	dc5	28	bc2	Kt7	48	at8		68		
9	bc	c5	29	Rt4+	kg2	49			69		
10	d4	nbd7	30	Rc4	Kt7	50			70		
11	nc3	cd	31	Qxc6	Pd8	51			71		
12	ed	Rc8	32	a5	Rd3	52			72		
13	Qb3	Re8	33	be1	ba	53			73		
14	Rfex	nt8	34	bxa5	Pd4	54			74		
15	Padja6		35	Rxd4	bAd4	55			75		
16	ne5	bxx2	36	b-b4	Ke8	56			76		
17	Kfxg2	Qc7	37	t4	Kd7	57			77		
18	d5	n8d7	38	Kt5	Bf6	58			78		
19	nx-d7	nx-t7	39	Ke4	g6	59			79		
20	de	Qc6+	40	g4	Kc6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zhu			wangzeyu			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22-8-2026

Group B14

Round 2

Board 15

WHITE						FED				HKG		RESULT (W) 1/2	
BLACK						FED				CHN		RESULT (B) 1/2	
Sin Tsz Hin Zachary						wangzeyu							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	c4	Nf6	21	Kg1	fxe6	41	f5	exf5+	61				
2	g3	e6	22	Qa4	Nc5	42	gxf5	gxf5+	62				
3	Bg2	d5	23	Qxc6	Rxc6	43	Kxf5	Bd4	63				
4	Nf3	Be7	24	Ne4	Nxe4	44	Kg5	Be3+	64				
5	O-O	O-O	25	Rxe4	Rd6	45	Kh5	Kb6	65				
6	b3	b7	26	Rxd6	Bxd6	46	h4	a5	66				
7	Bb2	Bb7	27	a4	Bc5	47	Be7	a4	67				
8	e3	dxc4	28	Bc3	Kf7	48	Bf8	Bc5	68				
9	bxc4	c5	29	Rf4+	Kg8	49	Bg7		69				
10	d4	Nbd7	30	Re4	Kf7	50			70				
11	Nc3	cx-d4	31	Kg2	Rd8	51			71				
12	ex-d4	Rc8	32	a5	Rd3	52			72				
13	Qb3	Re8	33	Be1	bxa5	53			73				
14	Rfel	Nf8	34	Bxa5	Rd4	54			74				
15	Rad1	a6	35	Rxd4	Bxd4	55			75				
16	Ne5	Bxg2	36	Bb4	Ke8	56			76				
17	Kxg2	Qc7	37	f4	Kd7	57			77				
18	d5	N8d7	38	Kf3	Bf6	58			78				
19	Nxd7	Nxd7	39	Ke4	g6	59			79				
20	dxe6	Qcb+	40	g4	Kc6	60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
Zhu			wangzeyu			王天琦							

1:19:10 : 0:06:05

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
8/22Group
B/4Round
2/9Board
17

WHITE Hu, Jin Peng				FED HKG				RESULT (W) 1			
BLACK Sung, Sen Hin				FED HKG				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Re1	Kf8	41	kg2	f5	61	Qf3	kg1
2	Nf3	Nc6	22	Rab	Bf3	42	h4	kxb	62	ke3	kch2
3	Bc4	Bc5	23	gf	g6	43	Qc1	kg7	63	Qh5	kh3
4	c5	Nf6	24	d5	kg7	44	kg3	kfb	64	kf3	kch2
5	d4	ed	25	db	Rd8	45	Qg5	kg7	65	Qe5	kch1
6	Bb4 cd	Bb4	26	Re7	kfb	46	kf4	kf7	66	Qe1	kch2
7	Bd2	Bd2	27	Ra7	Ra7	47	kes	kg7	67	Qg3	kch1
8	Nd2	d5	28	Ra7	Rdb	48	Qh5	gh	68	Qg2	
9	ed	Nd5	29	b4	Rd5	49	kf5	kxb	69		
10	Qb3	Be6	30	a4	Rg5	50	f4	kg7	70		
11	O-O	Na5	31	ke kfi	Rf5	51	kcb	kg6	71		
12	Qa4	c6	32	b5	Rf3	52	f5 f5	kg7 kg7	72		
13	Bd5	Bd5	33	b6	Rb3	53	ke7	kch7	73		
14	Re1	d5	34	a5	Rb5	54	f6	kg6	74		
15	Qa3	Qd5	35	b7	h4 h5	55	f7	kf5	75		
16	Re5	Nc4	36	Rab	kg7	56	f8=Q	kg4	76		
17	Nc4	Qc4	37	Rb6	Ra5	57	Qf6	kch3	77		
18	Rc5	Qab	38	b8=Q	Ra1	58	kcb	kg4	78		
19	Qab	ba	39	Rb1	Rb1	59	kes	kg3	79		
20	Rcb	Bd5	40	Qb1	f6	60	kcb	kg2	80		
SIGNATURE (WHITE) Jm				SIGNATURE (BLACK) lom				SIGNATURE (ARBITER) Cm			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
8/22Group
U/4Round
2Board
17

WHITE Hu, Jin Peng				FED HKG				RESULT (W) 1			
BLACK Sung, Sen Hin				FED HKG				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Re1	kg8	41	kg2	f5	61	Qf3	kg1
2	Nf3	Nc6	22	Rab	Bf3	42	h4	kxb	62	ke3	kch2
3	Bc4	Bc5	23	gf	g6	43	Qc1	kg7	63	Qh5	kh3
4	c3	Nf6	24	d5	kg7	44	kg3	kfb	64	kf3	kch2
5	d4	ed	25	db	Rd8	45	Qg5	kg7	65	Qe5	kch1
6	cd	Bb4	26	Re7	kfb	46	kg4	kfb	66	Qe1	kch2
7	Bd2	Bd2	27	Rb2	Ra7	47	kes	kg7	67	Qg3	kch1
8	Nd2	d5	28	Ra7	Rdb	48	Qh5	gh	68	Qg2	
9	ed	Nd5	29	b4	Rd5	49	kfb	kxb	69		
10	Qb3	Be6	30	a4	Rg5	50	f4	kg7	70		
11	O-O	Na5	31	kf1	Rf5	51	kcb	kg6	71		
12	Qa4	c6	32	b5	Rf3	52	f5	kg7	72		
13	Bd5	Bd5	33	b6	Rb3	53	ke7	kch7	73		
14	Re1	d5	34	a5	Rb5	54	f6	kg6	74		
15	Qa3	Qd5	35	b7	h5	55	f7	kfb	75		
16	Re5	Nc4	36	Rab	kg7	56	f8=Q	kg4	76		
17	Nc4	Qc4	37	Rb6	Ra5	57	Qf6	kch3	77		
18	Rc5	Qab	38	b8=Q	Ra1	58	kcb	kg4	78		
19	Qab	ba	39	Rb1	Rb1	59	kes	kg3	79		
20	Rcb	Bd5	40	Qb1	f6	60	kcb	kg2	80		
SIGNATURE (WHITE) Jm				SIGNATURE (BLACK) lom				SIGNATURE (ARBITER) Cm			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22

Group B14
Round 2

Board 18

WHITE Zhang Xiaozhe						FED CHN		RESULT (W) /			
BLACK Zhang En-Ruei						FED TPE		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ne3	Rh6	41	Qe3	Bd1	61		
2	Bf4	c5	22	Nd5	Re7	42	Qe7	Q Kc8	62		
3	c3	Nc6	23	Qc4	Be7 Rd8	43	Qe8	Kc7	63		
4	e3	cd	24	Nb4	Kb8	44	Qc6	Kb8	64		
5	ed	f6	25	Nc6	Bc6	45	Qd6	Kb7	65		
6	Nf3	g5	26	d5	Bd7	46	Qc6	Kb8	66		
7	Bg3	h5	27	g3	Rh2	47	d6	Rh7	67		
8	h3	Nh6	28	Qf4	Bc7	48	d7	Rh8	68		
9	Bd3	Nf5	29	f3	Ree2	49	Qd6	Kb7	69		
10	Bh2	g4	30	Kc2	b5	50	B d8-Q		70		
11	hg	hg	31	Kd3	Re7	51			71		
12	Bf5	Bf5	32	c4	Bc	52			72		
13	Nf5	Qd6	33	Qc4	Bb6	53			73		
14	Bb6	Rh1	34	Kc2	Ree2	54			74		
15	Nf1	ed	35	Qd4	Kc7	55			75		
16	Qe2	Be7	36	Kb1	Ba7	56			76		
17	Nb2	O-O-O	37	Qc3	Re3	57			77		
18	O-O-O	Bd7	38	Qc1	Kb7	58			78		
19	Ne3	Rh5	39	Nf1	Ba4	59			79		
20	Ng4	f5	40	Ne3	Be3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zhang Xiaozhe			Zhang-En-Ruei			王天琦					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22

Group B14
Round 2

Board 18

WHITE Zhang, Xiaozhe						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Zhang En-Ruei						FED TPE		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nd3	Nh6	41	Qxe3	Pb7	61		
2	Bf4	c5	22	Nxd5	Re8	42	Qe7	Qe7 Kc8	62		
3	c3	Nc6	23	Qc4	Bd8	43	Qe8	Qc7	63		
4	e3	cd	24	Nb4	Kb8	44	KQc6	Kb8	64		
5	ed	f6	25	Nxc6	Bxc6	45	Qxd6	Qe6 Kb5	65		
6	Nf3	g5	26	d5	Bd7	46	Qc6	Kb8	66		
7	Bg3	h5	27	g3	Rh2	47	d6	Rh7	67		
8	h3	B Nh6	28	Qf4	Bc7	48	d7	Rh8	68		
9	Bd3	Nf5	29	f3	Ree2	49	Qd6	Kb7p	69		
10	Bh2	g4	30	Kc2	b5	50			70		
11	hg	hg	31	Kd3	Re6	51			71		
12	Bxf5	Bxf5	32	c4	bC	52			72		
13	Ngd4	Qd6	33	Qxc4	Bb6	53			73		
14	Bxd6	Rxh1	34	Kc2	Ree2	54			74		
15	Nf1	exd6	35	Qb4	Kc7	55			75		
16	Qe2	Be6	36	Kb1	Bc5	56			76		
17	Nd2	o-o-o	37	Qc3	Re3	57			77		
18	o-o-o	Bd7	38	Qc1	Kb7	58			78		
19	Be3	Rh5	39	Nf1	Ba4	59			79		
20	Nxg4	f5	40	N Nxe3	Bxe3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zhang Xiaozhe			Zhang-En-Ruei			王天琦					